**KẾ HOẠCH DẠY HỌC**

**TUẦN** :…7…**Từ ngày** 21/10 **đến ngày** 25/10/ 2024

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Thứứ |  | Môn | Số tiết chương trình | Tên bài dạy |
| **2** |  | HĐTN | 19 | Rèn nền nếp sinh hoạt |
| TV | 73 | V, y |
| TV | 74 | V, y ( tt) |
| Đ Đ | 7 | Học tập, sinh hoạt đúng giờ (tt) |
| GDTC | 13 | Ôn động tác quay sau, Trò chơi: Qua đường lội |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **3** | SÁNG CHIỀU | AN | 7 | Hát : Mời bạn vui múa ca |
| TV | 75 | Chữ hoa |
| TV | 76 | Chữ hoa (tt) |
| T | 19 | Phép cộng trong phạm vi 6 (tt) |
| TV | 77 | Tập viết v, y |
| TN&XH | 13 | Lớp học của em (tt) |
| HĐTN | 20 | Tự chăm sóc bản thân |
| 4 | SÁNG CHIỀU | TV | 78 | Am, ap |
| TV | 79 | Am , ap (tt) |
| T | 20 | Phép cộng trong phạm vi 6 (tt) |
| TN&XH | 14 | Trường học của em |
| MT | 7 | Nét thăng, nét cong |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **5** | SÁNG CHIỀU | MT | 7 | Nét thăng, nét cong |
| TV | 80 | Ăm, ăp |
| TV | 81 | ăm, ăp (tt) |
| TV | 82 | Tập viết (sau bài 36, 37) |
|  |  |  |
|  |  |  |
|  |  |  |
| **6** | SÁNG CHIỀU |  |  |  |
| TV | 83 | Kể chuyện: Chú Thỏ thông minh |
| TV | 84 | Ôn tập |
| T | 21 | Phép cộng trong phạm vi 6 (tt) |
| GDTC | 14 | Động tác: Vươn thở - Trò chơi: Nhảy ô tiếp sức |
| HĐTN | 21 | SHL : Chia sẻ việc thực hiện nền nếp sinh hoạt |
|  |  |  |
|  |  |  |

Ngày 20 tháng 10 .năm 2024

**Thứ Hai ngày 21 tháng 10 năm 2024**

**MÔN: HĐTN**

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM:**

**TIẾT SINH HOẠT DƯỚI CỜ: ĐÁNH GIÁ VIỆC THỰC HIỆN RÈN NỀN NẾP SINH HOẠT**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:  
- Bước đầu biết tự đánh giá bản thân trong việc thực hiện nền nếp sinh hoạt  
- Bước đầu tự giác thực hiện nền nếp sinh hoạt.  
- Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**- Ghế, mũ cho HS khi sinh hoạt dưới cờ

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **. HOẠT ĐỘNG CỦA GV** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HS** |
| **5’**  **20’**  **5’** | **1/Hoạt động mở đầu**  **a.Khởi động**  - Nhà trường tổ chức lễ sinh hoạt dưới cờ đầu tiên của năm học mới:  + Ổn định tổ chức  + Chỉnh đốn hàng ngũ, trang phục  + Đứng nghiêm trang.  + Thực hiện nghi lễ: chào cờ, hát Quốc ca.  + Tuyên bố lí do, giới thiệu đại biểu, chương trình của tiết chào cờ  + Nhận xét và phát động các phong trào thi đua của trường  **b. Giới thiệu bài:**  GV giới thiệu và nhấn mạnh hơn cho HS lớp 1 và toàn trường về tiết chào cờ đầu tuần:  + Thời gian của tiết chào cờ: là hoạt động sinh hoạt tập thể được thực hiện thường xuyên vào đầu tuần  + Ý nghĩa của tiết chào cờ: giáo dục HS tình yêu Tổ quốc, củng cố và nâng cao kiến thức; rèn luyện kĩ năng sống; gắn bó với trường lớp, phát huy những gương sáng trong học tập và rèn luyện, nâng cao tinh thần hiếu học, tính tích cực hoạt động của HS  **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới**  **HĐ 1**: **Một số hoạt động trong tiết chào cờ:**  -Thực hiện nghi lễ chào cờ  -Nhận xét thi đua của các lớp trong tuần  - Nhà trường/GV Tổng phụ trách Đội phát động phong trào “rèn luyện nề nếp sinh hoạt” toàn trường. Nội dung cơ bản tập trung vào:  Thực hiện dạy tuần , GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện. - Tiếp tục thực hiện nội quy HS, thực hiện ATGT, ATVSTP. - Thực hiện tốt các phong trào lớp, trường, triển khai chủ điểm mới.  **\*Hoạt động nối tiếp**  Nhận xét  -Tuyên dương  -Nhắc nhở | -Lắng nghe thực hiện  Lắng nghe thực hiện |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**TIÊNG VIỆT : BÀI 34 V Y**

(2 TIẾT)

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Nhận biết âm và chữ cái v, y; đánh vần đúng, đọc đúng tiếng có v, y.
* Nối đúng từ ngữ (có âm v, âm y) với hình.
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Dì Tư.*
* Viết đúng trên bảng con các chữ và tiếng: v, y, ve, y (tá).

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**
2. **GV:** Phiếu khổ to viết nội dung BT đọc hiểu, điện thoại thông minh.
3. **HS:** SGK
4. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | | |
| **2’**  **30’** | 1. **Hoạt động mở đầu:**   **a)Khởi động:**   * 1 HS đọc bài Tập đọc *Thỏ thua rùa* (2) (bài 33). * 1 HS nói ý nghĩa của câu chuyện   **b)Giới thiệu bài:**  âm và chữ cái **v** (vờ), **y.**   * GV chỉ từng chữ, phát âm, HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.   GV giới thiệu chữ **V, Y** in hoa. | - Hs đọc bài  - Nêu ý nghĩa câu chuyện.   * HS nói: Con ve. / Nhận biết: **v, e;** đọc: **ve. /** Phân tích tiếng **ve.** / Đánh vần và đọc tiếng: **vờ - e - ve/ ve.**   - HS nói: **y tá.** Tiếng **y** có âm **y.** / Đánh vần và đọc từ: **y / tờ -a - ta - sắc - tá / y**  - Hs thực hiện   * 1 HS nói kết quả: 1) ví, 2) vẽ,... * Cả lớp nhắc lại. * HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có âm v (vé, vai, vải, voi, vui,...); có âm **y** (ý nghĩ, chú ý, cố ý, ý chí,...).   -HS lắng nghe  -HS luyện đọc từ ngữ |
| **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**    **a) Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT : Làm quen)  -Âm **v,** chữ **v:**  +Gv giới thiệu hình con ve**.**  +Yêu cầu HS phân tích, đánh vần và đọc tiếng **ve**  - Âm **y,** chữ **y:**  -Gv giới thiệu hình cô y tá**.**  -Yêu cầu HS phân tích, đánh vần và đọc tiếng **tá**  \* Củng cố: HS nói 2 chữ vừa học: **v, y;** 2 tiếng mới: **ve, y tá.** Đánh vần, đọc trơn. HS gắn lên bảng cài: **v, y.**  **b)Hoạt động 2: Luyện tập**  **\*Mở rộng vốn từ**  (BT 2: Tìm từ ngữ ứng với mỗi hình)  -GV nêu yêu cầu BT  -Yêu cầu HS đọc từng từ ngữ. / HS nối từ ngữ với hình trong VBT.  -GV chỉ hình, cả lớp nhắc lại.  -Yêu cầu HS tìm tiếng ngoài bài  **\*Tập đọc** (BT 3)   1. GV chỉ hình, giới thiệu: Bài đọc kể về dì Tư của bạn Hà. Các em nghe bài để biết về dì Tư: Dì làm nghề gì, dì đến nhà Hà, chỉ cho Hà làm gì? 2. GV đọc mẫu. 3. HD HS Luyện đọc từ ngữ: **dì Tư, y tá, trưa qua, y tế xã, khi về, ghé, vẽ lá, vẽ ve.** |
| **Tiết 2** | | |
|  | 1. Luyện đọc câu   - Bài có mấy câu? (GV chỉ từng câu cho).  - (Đọc vỡ từng câu): GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc 1.   1. Đọc tiếp nối từng câu (Thi đọc đoạn, bài. (Bài chia 2 đoạn - mỗi đoạn 3 câu). Quy trình đã hướng dẫn.   g) Tìm hiểu bài đọc   * GV gắn lên bảng nội dung BT; chỉ từng từ ngữ cho HS đọc. * HS làm bài, báo cáo kết quả, * GV ghi lại kết quả nối ghép * Yêu cầu Cả lớp đọc: a - 2) Dì Tư chỉ cho Hà vẽ. b - 1) Hà vẽ lá, vẽ ve, vẽ bé Lê.   **\*Tập viết** (bảng con)   1. HS nhìn bảng đọc các chữ, tiếng vừa học   .   1. GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  * Chữ v: cao 2 li; viết 1 nét móc hai đầu, phần cuối nối với nét thắt, tạo thành vòng xoắn nhỏ. * Chữ y: cao 5 li (2 li trên ĐK 1, 3 li dưới ĐK 1); viết 1 nét hất, 1 nét móc ngược, 1 nét khuyết ngược. * Tiếng **ve:** viết chữ **v** trước, chữ **e** sau, chú ý nối nét giữa **v** và **e.** * Từ **y tá:** viết **y** trước, **tá** sau.  1. HS viết: **V, y** (2 - 3 lần). Sau đó viết: **ve, y** (tá). 2. Báo cáo kết quả: HS giơ bảng   -GV cùng HS nhận xét  **3. Hoạt động luyện tập- thực hành:**  -GV cho HS tìm tiếng có âm v, y ở ngoài bài  **\*Hoạt động Củng cố và nối tiếp**  - GV nhận xét tiết học, khen ngợi biểu dương HS  - Tập viết chữ trên bảng con | - HS đếm: 6 câu  - Hs đọc( cá nhân, từng cặp).  - Hs đọc: a - 2) Dì Tư chỉ cho Hà vẽ.   * b - 1) Hà vẽ lá, vẽ ve, vẽ bé Lê.   - HS đọc các chữ, tiếng vừa học: **v, y, ve, y tá**  - Hs theo dõi, quan sát  -HS viết ở bảng con  -HS nhận xét  -HS lắng nghe |
| **2’** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** Phối hợp với phụ huynh hướng dẫn HS hoàn thành bài tập mở rộng vốn từ ở nhà.

**ĐẠO ĐỨC**  BÀI 3**: HỌC TẬP, SINH HOẠT ĐÚNG GIỜ** (tiết 3)

**I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài học này, học sinh cần đạt:

- Nêu được một số biểu hiện và sinh hoạt đúng giờ.

- Giải thích được vì sao học tập, sinh hoạt đúng giờ.

- Thực hiện được các hành vi học tập và sinh hoạt đúng giờ.

**II/ ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1.GV:Điện thoại thông minh

- Mẫu phiếu nhắc việc của gv.

- Đồng hồ báo thức theo nhóm của HS.

- Bộ giấy, keo, bút làm phiếu nhắc việc của HS.

2.HS: SGK

**III/ HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **2’** | 1. **Hoạt động mở đầu:**   **a)Khởi động** |  |
|  | - Ổn định: GV cho HS hát. | - Hát |
|  | + Em đã làm gì để góc học tập của mình ngăn nắp?  + GV cùng HS nhận xét phần chia sẻ của HS.  **b)HĐ: Giới thiệu bài**  Hôm nay chúng ta cùng học tiếp bài : Học tập và sinh hoạt đúng giờ.  **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:** | - 2-3 HS lên chia sẻ  - HS nhận xét bạn |
| **30’**  **2’** | **a) Hoạt động 1: trải nghiệm khám phá**  - Gv giới thiệu một số phiếu nhắc việc và nêu câu hỏi.  + Những thông tin nào được nêu trong phiếu nhắc việc?  + Em làm như thế nào để ghi những điều cần nhớ?  - Gv kết luận: Trên phiếu nhắc việc ghi thời gian (thứ, ngày, tháng, giờ) việc em cần làm và có thể ghi địa điểm.  - Gv hướng dẫn cách làm phiếu nhắc việc: Cắt 7 ô giấy ghi ngày và thông tin cần nhớ, trang trí phiếu theo ý thích của mình.  - Cho HS làm phiếu nhắc việc.  - Gv nhắc Hs sử dụng phiếu của mình  **3.Hoạt động vận dụng, trải nghiệm**  - Gv nhắc nhở Hs và giám sát học sinh học tập, sinh hoạt đúng giờ.  - G v phân công Hs giám sát việc thực hiện đúng giờ, nhắc việc thực hiện ở lớp theo chế độ trực nhật lớp luân phiên nhau…  - G v liên hệ với phụ huynh để giúp Hs thực hiện đúng giờ trong học tập và sinh hoạt.  - Hs tự đánh việc thực hiện đúng giờ trong phiếu nhắc việc  **4. Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - Em rút ra được bài học gì, sau bài học này?  - GV yêu cầu đọc lời khuyên (SGK)  - Gv đánh giá sự tham gia học tập của Hs. | + HS nghe và nhắc lại.  - Làm việc cá nhân, đọc nội dung phiếu nhắc việc và trả lời các câu hỏi  HS quan sát  - Hs làm phiếu nhắc việc.  - Triển lảm sản phẩm hoặc hs giới thiệu phiếu của mình. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**TOÁN: PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (2 tiết)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Học xong bài này, HS đạt các yêu cầu sau:

- Biết cách tìm kết quả một phép cộng trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học: NL giải quyết vấn đề toán học, NL tư duy và lập luận toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Các que tính, các chấm tròn.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**2. Học sinh**

- Vở, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **2’** | 1. **Hoạt động mở đầu:**   **a)Khởi động**  - Cho HS hoạt động theo cặp (nhóm bàn) và thực hiện lần lượt các hoạt động: |  |
|  | *+ Quan sát* bức tranh trong SGK.  *+ Nói* với bạn về những điều quan sát được từ bức tranh liên quan đến phép cộng, chẳng hạn: “Có 4 con chim ở dưới sân. Có 2 con chim đang bay đến. Có tất cả bao nhiêu con chim?”, HS đếm rồi nói: “Có tất cả 6 con chim”.  **b)Giới thiệu bài:**  - GV hướng dần HS xem tranh, giao nhiệm vụ và gợi ý đế HS chia sẻ những gì các em quan sát được từ bức tranh có liên quan đến phép cộng. Khuyến khích HS nói, diễn đạt bằng chính ngôn ngữ của các em. | + Chia sẻ trước lớp: đại diện một số bàn, đứng tại chồ hoặc lên bảng, thay nhau nói một tình huống có phép cộng mà mình quan sát được. |
| **30’** | **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới** | - HS theo dõi |
| GV cho HS xem video Toán lớp 1 mới/ Bài 36:phép cộng trong phạm vi 6**/** Bộ sách cánh diều lớp 1/Cô Thu. | | |
|  | **a) HĐ1.**  **GV hướng dẫn HS thực hiện lần lượt các thao tác sau:** |  |
|  | - GV *nói:* Bạn gái bên trái có 3 chong chóng - Lấy ra 3 chấm tròn; | *- Quan sát* hình vẽ “chong chóng” trong khung kiến thức trang 38. |
|  | Bạn gái bên phải có 1 chong chóng - Lấy ra 1 chấm tròn. |  |
|  | Để biết có tất cả bao nhiêu chong chóng (hay chấm tròn) ta thực hiện phép cộng 3 + 1. | - HS nói: 3 + 1=4. |
|  | 1. **HĐ2: HS thực hiện tương tự với hình vẽ “chim bay” trong khung kiến thức** trang 38 và nói kết quả *phép cộng*. 4 + 2 = 6.   GV lưu ý hướng dẫn HS sử dụng mẫu câu khi nói : *Có... Có... có tất cả...* |  |
|  |  |  |
|  | 1. **Củng cố kiến thức mới:**   GV nêu một số tình huống. HS đặt phép cộng tương ứng. GV hướng dẫn HS tìm kết quả phép cộng rồi gài kết quả vào thanh gài.  Theo nhóm bàn, HS tự nêu tình huống tương tự rồi đố nhau đưa ra phép cộng và tính kết quả. |  |
|  | **3.Hoạt độngluyện tập thực hành:**  **Bài 1**  - GV hướng dẫn HS cách làm 1 phép tính.  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng các chấm tròn và thao tác đếm để tìm kết quả phép tính), rồi ghi phép tính vào vở. | - Đổi vở, đặt câu hỏi cho nhau, nói cho nhau về tình huống đã cho và phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. |
|  | - GV có thể nêu ra một vài phép tính khác để HS củng cố kĩ năng, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau tìm kết quả phép tính. |  |
|  | **Bài 2**  - Cho HS tự làm bài 2: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài (HS có thể dùng thao tác đếm đê tìm kết quả phép tính). | - HS thảo luận với bạn về kết quả tính được, lí giải bằng ngôn ngữ cá nhân. Chia sẻ trước lóp. |
|  | - GV chốt lại cách làm bài. |  |
|  | **Bài 3**  - Cho HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tưomg ứng. Chia sẻ trước lớp.  *Ví dụ* câu a): Bên trái có 3 chú mèo. Bên phải có 2 chú mèo. Có tất cả bao nhiêu chú mèo? Phép tính tương ứng là: 3 + 2 = ? | - HS quan sát tranh, suy nghĩ về tình huống theo bức tranh rồi đọc phép tính tương ứng. Chia sẻ trước lớp. |
| **2’** | **4.Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - Cho HS nghĩ ra một số tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6. | - HS thực hiện |
|  | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì? |  |
|  | - Về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 để hôm sau chia sẻ với các bạn. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** Phối hợp với phụ huynh hướng dẫn HS hoàn thành bài tập, lưu ý bài tập 2 bỏ cột 3, bài tập 3 bỏ câu b.

**Thứ Ba ngày 22 tháng 10 năm 2024**

**ÂM NHẠC: HÁT : MỜI BẠN VUI MÚA CA**

GV chuyên dạy

**TIẾNG VIỆT: BÀI 35** **CHỮ HOA**

(2 tiết)

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Nhận biết chữ in hoa trong câu; bước đầu làm quen với chữ viết hoa.
* Nhận ra và đọc được các chữ in hoa trong câu ứng dụng; ghi nhớ quy tắc viết hoa chữ đầu bài, đầu câu, tên riêng.
* Đọc đúng, hiểu bài Tập đọc *Chia quà.* Tìm được trong bài chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu, chữ hoa ghi tên riêng.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**
2. GV: Bảng nhỏ viết 2 điều cần ghi nhớ về quy tắc viết hoa.

Bảng chữ thường - chữ hoa phóng to (nếu có).

2. HS: SGK

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** | | |
| **Tiết 1** | | | | |
| **2’** | 1. **Hoạt động mở đầu:**   **a)Hoạt động khởi động**  -Gv cho cả lớp hát  -GV kiểm tra 2 HS viết, đọc các chữ: ve, y tá.  - Gv nhận xét  **b)Hoạt động giới thiệu bài:**  Kết thúc bài 34, các em đã học xong các âm và chữ tiếng Việt. Bài *Chữ hoa* sẽ giúp các em làm quen với chữ hoa (chữ in hoa và chữ viết hoa), nắm được quy tắc viết hoa. | Hát  - 2 hs thực hiện | | |
| **32’** | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:** | - Hs lắng nghe | | |
|  | GV cho HS xem video Tiếng Việt lớp 1 mới/ Bài 35:**chữ hoa/** Bộ sách cánh diều lớp 1/Cô Thu. | | | |
|  | **a)Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá** (BT 1: Tìm chữ hoa trong câu)  - GV viết lên bảng câu “Dì Tư là y tá.”, cả lớp đọc. GV giải thích: Đây là 1 câu văn, cuối câu có dấu chấm.  - GV nêu YC: Phát hiện những chữ được viết hoa trong câu.  - GV: Vì sao chữ **D** trong tiếng **Dì** viết hoa?  - GV: Vì sao chữ **T** trong tiếng **Tư** viết hoa?.  - GV mời 3 - 4 HS nói tên mình, đầy đủ họ, tên; nhắc HS: Khi viết tên riêng của mình, của mọi người, các em cần viết hoa. Viết hoa tên riêng, viết hoa cả họ và tên đệm. Không viết hoa tên riêng là viết sai chính tả.  **\* Ghi nhớ (BT** 2):  -GV gắn lên bảng quy tắc viết hoa; đọc quy tắc cho HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhắc lại.  Dặn HS ghi nhớ 2 **quy** tắc vừa học để viết hoa đúng chính tả. | - Hs chú ý theo dõi  - Hs đọc:Dì Tư là y tá  - Chữ **D** trong tiếng **Dì** viết hoa, chữ **T** trong tiếng **Tư** viết hoa.  - Vì **Dì** đứng đầu câu. HS (cá nhân, cả lớp) nhắc lại.  - Vì **Tư** là tên riêng của dì.  - Hs nói tên mình  -HS lắng nghe  -HS (cá nhân, tổ, cả lớp) nhắc lại.  - Hs đọc quy tắc | | |
|  | **b)Hoạt động 2. Luyện tập** | | | |
|  | **\*Tập đọc** (BT 3)  a/GV đưa lên bảng lớp hình minh hoạ bài *Chia quà;* giới thiệu: Trong hình là gia đình Hà: có bà, có ba má, có Hà và bé Lê. Má đang chia quà cho cả nhà. Bài Tập đọc sẽ cho các em biết má của Hà chia quà thế nào? Quà dành cho má là thứ quà đặc biệt quý. Đó là quà gì? Bài đọc cũng giúp các em luyện tập, củng cố những điều vừa học về quy tắc viết hoa.  b/GV đọc mẫu.  c/Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **chia quà, thị xã, cả nhà, mía, sữa, quà quý.**  d/Luyện đọc câu  - GV: Bài có mấy câu?  - Đọc vỡ từng câu: GV chỉ từng câu cho 1 HS đọc, cả lớp đọc.  - Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp).  d/Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (6 câu / 2 câu); thi đọc cả bài.  e/ Tìm hiểu bài đọc  GV: Đi thị xã về, má chia quà cho cả nhà. Má không chia quà cho má vì má đã có quà quý. Quà quý đó là gì?  GV: Hai đứa con là quà quý của má. Con cái luôn là món quà quý giá nhất của cha mẹ. | -Hs lắng nghe  - Hs luyện đọc  -HS đếm: 8 câu  - Hs luyện đọc  - Hs thi đọc bài  - Quà quý đó là bé Lê và Hà. | | |
| **Tiết 2** | | | | |
|  | **\*Tìm trong bài đọc những chữ hoa** (BT 4)   * Cho cả lớp nhắc lại quy tắc chính tả viết hoa. * GV nêu YC; từng cặp HS đọc bài trong SGK, tìm chữ hoa bắt đầu từ tên bài. * 4 cặp (8 HS) tiếp nối nhau báo cáo kết quả (mỗi em nói 1 câu):   **-**Yêu cầu HS nói lại những chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu  --Yêu cầu HS nói lại những chữ hoa ghi tên riêng trong bài | | | - Hs nhắc lại quy tắc  - Các cặp HS cùng-làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả.  -HS nói |
|  | + HS 1: Tên bài viết hoa chữ **c** trong tiếng **Chia** vì đó là chữ đầu của tên bài. / Câu 1 viết hoa chữ **M** trong tiếng **Má** vì đó là chữ đầu câu.  + HS 2: Câu 2 viết hoa chữ **M** trong tiếng **Má** vì đó là chữ đầu câu.  + HS 3: Câu 3 viết hoa chữ **B** trong tiếng **Bà** vì đó là chữ đầu câu.  + HS 4: Câu 4 viết hoa chữ **B** trong tiếng **Ba** vì đó là chữ đầu câu.  + HS 5: Câu 5 viết hoa chữ **H** trong tiếng **Hà** vì **Hà** đứng đầu câu, cũng là tên riêng.  + HS 6: Câu 6 viết hoa chữ **B** trong tiếng **Bé** vì nó đứng đầu câu; viết hoa chữ **L**  trong tiếng **Lê** vì là tên riêng.  + HS 7: Câu 7 viết hoa chừ **Ơ** vì **Ơ** là chữ đầu câu.  + HS 8: Câu 8 viết hoa **À** vì **À** là chữ đầu câu; viết hoa chữ **L** trong tiếng **Lê,** chữ **H** trong tiếng **Hà** vì đó là các tên riêng. | | | |
|  | **\*Giới thiệu bảng chữ in thường - in hoa, viết thường - viết hoa**   * GV chỉ *Bảng chữ thường, chữ hoa* (trên bảng lớp); giới thiệu các kiểu chữ (in thường - in hoa, viết thường - viết hoa); giải thích: chữ viết là chữ viết bằng tay. * GV chỉ từng chữ in thường, in hoa. Cả lớp đọc. * GV chỉ từng chữ viết thường, viết hoa. Cả lớp đọc. * GV mời 1 HS lên bảng; đọc cho HS chỉ: chữ nào là chữ in thường, chữ nào là chữ in hoa. * GV mời 1 HS khác, đọc cho HS chỉ: chữ nào là chữ viết thường, chữ nào viết hoa. * GV chỉ câu *Dì Tư là y tá,* hỏi đó là kiểu chữ gì? * GV chỉ từng chữ trên *Bảng chữ thường, chữ hoa,* cả lớp phát hiện đó là chữ in hay chữ thường, chữ viết hoa hay chữ viết thường. * GV: Chữ hoa nào gần giống chữ thường nhưng kích thước lớn hơn * GV: Chữ hoa nào không giống chữ thường và kích thước lớn hơn?   -GV kết luận  **3. Hoạt động luyện tập – thực hành:**  **- GV** cho hs nói tên riêng của người, địa danh và những tên riêng phải viết hoa chữ cái đầu.  **\*Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  -1 HS nhắc lại quy tắc viết hoa.  -GV nhận xét tiết học. Dặn HS về nhà đọc lại bài Tập đọc cho nguôi thân nghe; quan sát kĩ bảng mẫu chừ hoa trong trường tiểu học (in trong vở Luyện viết 1, tập một). | | -HS lắng nghe  - HS chỉ và đọc   * **D** trong **Dì, T** trong **Tư** là chữ in hoa, các chữ khác là chữ in thườn. * HS thực hiện     - Đó là chữ **in hoa -** gần giống chữ **in thường** nhưng kích thước chữ **in hoa** lớn hơn.  - Đó là chữ **viết hoa -** không giống chữ **viết thường** và kích thước chữ **viết hoa** lớn hơn. | |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**. **- GV hướng dẫn kĩ quy trình viết.**

**TOÁN:**BÀI 17. **PHÉP CỘNG TRONG PHẠM VI 6 (TIẾP THEO) (2 TIẾT )**

I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Tìm được kết quả các phép cộng trong phạm vi 6 và thành lập Bảng cộng trong phạm vi 6.

- Vận dụng được kiến thức, kĩ năng về phép cộng trong phạm vi 6 đã học vào giải quyết một số tình huống gắn với thực tế.

- Phát triển các NL toán học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

**1. Giáo viên**

- Các que tính, các chấm tròn, các thẻ phép tính, điện thoại thông minh.

- Một số tình huống đơn giản dẫn tới phép cộng trong phạm vi 6.

**2. Học sinh**

- Vở, SGK

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC** **CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **2’**  **30’** | **1.Hoạt động mở đầu**  **a) Khởi động:**  **-Cho HS hát bài:** Lí cây xanh  Chia sẻ các tình huống có phép cộng trong thực tế gắn với gia đình em. Hoặc chơi trò chơi “Đố bạn” để tìm kết quả của các phép cộng trong phạm vi 6 đã học.  b)Giới thiệu bài:  Hôm nay lớp mình học bài phép cộng trong phạm vi 6 tiết tiếp theo nhé.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **a)HĐ1. Trải nghiệm, khám phá**  - Cho HS thực hiện lần lượt các hoạt động sau:  - Tìm kết quả từng phép cộng trong phạm vi 6 (thể hiện trên các thẻ phép tính).  - *Sắp xếp* các thẻ phép cộng theo một quy tắc nhất định. Chẳng hạn: GV phối hợp thao tác cùng với HS, gắn từng thẻ phép tính lên bảng để tạo thành bảng cộng như SGK, đồng thời HS xếp các thẻ thành một bảng cộng trước mặt.  - GV giới thiệu *Bảng cộng trong phạm vi 6* và hướng dẫn HS đọc các phép tính trong bảng.  GV tổng kết: Có thể nói:  Dòng thứ nhất được coi là Bảng cộng: Một số cộng 1.  Dòng thứ hai được coi là Bảng cộng: Một số cộng 2.  Dòng thứ ba được coi là Bảng cộng: Một số cộng 3.  Dòng thứ tư được coi là Bảng cộng: Một số cộng 4.  Dòng thứ năm được coi là Bảng cộng: Một số cộng 5.  **3.Hoạt động luyện tập- thực hành:**  **a) Hoạt động 1: Bài tập 1**  - Cho HS làm bài 1: Tìm kết quả các phép cộng nêu trong bài, rồi viết kết quả vào vở.    - GV có thể nêu ra một vài phép tính đơn giản dễ nhẩm để HS trả lời miệng nhằm củng cố kĩ năng tính nhấm, hoặc HS tự nêu phép tính rồi đố nhau với phụ huynh để tìm kết quả phép tính. Chẳng hạn: 4 + 1; 1 + 4; 5 + 1; 1 + 5; ... | **-**Cả lớp hát  - HS thực hiện  - HS thực hiện    -Chú ý lắng nghe  - HS thực hiện  -HS thực hiện cùng phụ huynh  - HS thực hiện  -HS thực hiện cùng phụ huynh  – HS quan sát  **–**HS quan sát tranh, thực hiện  **-**HS thực hiện phép tính  **-**Chú ý |
|  |
|  |
|  |
|  | - Ở câu b), GV nên đặt câu hỏi đế HS quan sát và nêu nhận xét các phép tính trong từng cột, chẳng hạn: Khi đổi chồ hai số trong phép cộng thì kết quả phép cộng không thay đôi. HS lấy thêm ví dụ tương tự: 2 + 3 = 5; 3 + 2 = 5; ... |
|  | **Bài 2.** HS tự làm bài 2, nêu phép tính thích hợp cho từng ô còn thiếu. HS trao đổi với Phụ huynh và giải thích lí do lựa chọn phép tính thích hợp. |
|  | **Bài 3.** phân tích mầu rồi vận dụng đế tìm kết quả các phép tính cho trong bài. |
|  | **Bài 4. –** ChoHS quan sát tranh, suy nghĩ và tập kể cho bạn và người thân nghe tình huống trong tranh rồi đọc phép tính tương ứng. |
|  |  |
|  |  |
|  | b)Có 3 bạn đang ngồi đọc sách. *Có thêm 2* bạn đi đến. *Có tất cá* bao nhiêu bạn? Ta có phép cộng 3 + 2 = 5. Vậy có tắt cả 5 bạn. |
| **2’** | **\* Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  -HS nghĩ ra một số tinh huống trong thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6. |
|  | - Bài học hôm nay, em biết thêm được điều gì?  - về nhà, em hãy tìm tình huống thực tế liên quan đến phép cộng trong phạm vi 6 đế hôm sau chia sẻ với các bạn. |  |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

Tiếng Việt : **TẬP VIẾT v, y**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

Tô, viết đúng các chữ **v, y,** các tiếng **ve, y tá, chia quà -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét, dãn đúng khoảng cách giữa các con chữ.

1. **ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1.GV**:** Điện thoại thông minh,Các chữ mẫu *v, y* đặt trong khung chữ.

2. HS: Vở luyện viết

1. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **2’** | **1.Hoạt động mở đầu:**  **a)khởi dộng:**  -Ổn đinh lớp, cho cả lớp hát:  **b)Giới thiệu bài:**  Tiết học ngày hôm nay cô cùng các em tập viết bài vừa học: chữ v,y các tiếng ve, y tá, chia quà nhé. | Hát  -HS lắng nghe |
| **30’** | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **a)Hoạt động 1: Luyện tập**  \*Yêu cầu HS đọc trên bảng các chữ, tiếng cần luyện viết.  \*Tập tô, tập viết: *v, ve, y, y tá.*   * GV vừa viết mẫu từng chữ, tiếng, vừa hướng dẫn:   + Chữ v: cao 2 li; viết 1 nét móc hai đầu, phần cuối nối với nét thắt, tạo thành vòng xoắn nhỏ. Cách viết: đặt bút ở khoảng giữa ĐK 2 và ĐK 3, viết nét móc hai đầu, cuối nét kéo dài tới gần ĐK 3 thì lượn trái, tới ĐK 3 thì nối với một nét thắt, tạo thành vòng xoắn ở cuối nét, dừng bút gần ĐK 3.  + Tiếng *v'.* viết chữ v trước, chữ *e* sau.  + Chữ y: cao 5 li; viết 1 nét hất, 1 nét móc ngược phải, 1 nét khuyết ngược. Cách viết: Đặt bút trên ĐK 2 (trên), viết nét hất, đến ĐK 3 (trên) thì dừng. Từ điểm dừng của nét 1, chuyển hướng bút viết nét móc ngược phải. Từ điểm dừng của nét 2, rê bút thẳng lên ĐK 3 (trên) rồi chuyển hướng ngược lại, viết nét khuyết ngược (kéo dài xuống đường kẻ 4 phía dưới), dừng bút ở ĐK 2 (trên)  + Từ y *tá,* viết tiếng *y* trước, tiếng *tá* sau, dấu sắc đặt trên *a.*   * Yêu cầu HS tập tô, viết: *v, ve, y, y tá* trong vở *Luyện viết 1,* tập một.   \*Tập tô, tập viết: *ch, qu, chia quà* (như mục b):   * GV vừa viết mẫu, vừa hướng dẫn:   + Chữ *ch,* ghép từ hai chữ *c* và *h.*  + Chữ *qu.* ghép từ hai chữ *q* và *u.*  + Tiếng *chia,* viết *ch* trước, *ia* sau. / Tiếng *quà,* viết *qu* trước, *a* sau, dấu huyền đặt trên *a.*   * Yêu cầu HS tập tô, viết: *ch, qu, chia quà.*   **\*Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  -GV nhận xét tiết học  -Nhắc HS chưa hoàn thành bài viết về nhà tiếp tục luyện viết | Đọc **: v, y,** các tiếng **ve, y tá, chia quà.**  - Hs theo dõi, quan sát.  - Hs tô, viết vào vở  - Hs tô, viết vào vở  -HS lắng nghe |
|  |
| **2’** |

1. **ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI: BÀI 4: LỚP HỌC CỦA EM ( tt)**

**I.YÊU CÀU CẦN ĐẠT**

**\*Về nhận thức khoa học:**

- Nói được tên lớp học và một số đồ dùng có trong lớp học .

- Xác định được các thành viên trong lớp học và nhiệm vụ của họ .

- Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học ; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó .

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

- Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về lớp học , các thành viên và hoạt động trong lớp học .

- Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về lớp học , hoạt động ở lớp học .

**\*Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

- Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch , đẹp .

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận , đúng cách đồ dùng học tập trong lớp

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

1.Giáo viên:

-Điện thoại thông minh

- Các hình trong SGK . - VBT Tự nhiên và Xã hội 1 .

- Phiếu tự đánh giá cá nhân .

2.Học sinh:

- Vở BT, SGK

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **2’**  **30’**  **3’** | **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 1 : *Thảo luận về lớp học sạch , đẹp***  \*Cách tiến hành  *Bước 1 : Làm việc theo cặp*  -GV yêu cầu HS quan sát các hình ở trang 32 trong SGK , trả lời các câu hỏi :  + Nêu những điểm khác nhau của lớp học trong hai hình .  + Em thích lớp học của em như thế nào ?  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu lần lượt mỗi nhóm trình bày kết quả làm việc trước lớp .  - GV có thể gợi ý để HS nói  -GV cùng HS nhận xét  **3.LUYỆN TẬP VÀ VẬN DỤNG**  **Hoạt động 1 : Xác định những việc có thể làm để lớp học sạch , đẹ**p  \* Cách tiến hành  - Yêu cầu HS liệt kê những việc có thể làm để giữ lớp học sạch , đẹp .  - Liên hệ xem trong nhóm các bạn đã thực hiện những việc đó như thế nào ?  *Bước 2 : Làm việc cả lớp*  - GV yêu cầu một số nhóm báo cáo kết quả thảo luận trước lớp .   * GV nhận xét   *Bước 3 : Làm việc cá nhân*  - Yêu cầu làm câu 4 của Bài 4 ( VBT ) .  - GV hướng HS đến thông điệp cả bài : “ Lớp học như là nhà . Cô giáo như mẹ hiền . Bạn bè như là anh em ” .  **4.Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen ngợi, biểu dương HS.  -Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận , đúng cách đồ dùng học tập trong lớp . | -HS quan sát  -HS trả lời  -HS trình bày  -HS thực hiện  -HS báo cáo  -HS lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

- Không thực hiện yêu cầu cần đạt: Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch , đẹp

**HOẠT ĐỘNG TRẢI NGHIỆM: HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ**

**Tiết 2. TỰ CHĂM SÓC BẢN THÂN**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

Sau hoạt động, HS có khả năng:

– Hình thành một số thói quen tự phục vụ, chăm sóc bản thân phù hợp với lứa tuổi như: tự vệ

\* Lồng ghép: GD Lí tưởng cách mạng, đạo đức lối sống:

– Trẻ em có quyền được chăm sóc sức khỏe tốt nhất có thể, được tiếp cận môi trường sạch sẽ và an toàn giúp em sống khỏe mạnh.

– Quyền và bổn phận trẻ em (quyền gắn liền với trách nhiệm, nghĩa vụ).

**II. CHUẨN BỊ:**

**1.GV:Máy tính**

**2.HS:**

1.GV: Tranh ảnh minh hoạ cho bài học, điện thoại thông minh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **2’**  **32’**  **2’** | **1.Hoạt động mở đầu:**  **a)Hoạt động khởi động**  - Ổnịnh: - Hát -  **b) Hoạt động giới thiệu:**  Giới thiệu bài  + Giáo viên viết lên bảng lớp tên bài và  giới thiệu: Hôm nay, chúng ta sẽ tìm  hiểu những việc cần làm để chăm sóc  bản thân.  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **a) Hoạt động 1**. **Liên hệ và chia sẻ.**  \*Mục tiêu: HS tự liên hệ bản thân, nhận xét và đánh giá về những việc đã làm được  và chưa làm được để chăm sóc bản thân  \* Cách tiến hành :  - Chia lớp thành cặp đôi - GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi theo các câu hỏi:  + Hằng ngày, bạn đã làm gì để chăm sóc  bản thân?  + Bạn làm những việc đó vào lúc nào?  + HS đưa ra các việc làm thể hiện sự  chăm sóc bản thân: đánh răng, rửa mặt, ăn uống, ngủ nghỉ,….  + Bạn cảm thấy như thế nào khi tự mình  làm những công việc đó?  - Y/C HS cử đại diện trình bày trước lớp.  - GV và HS cùng nhận xét.  việc chăm sóc bản thân của mình.  \*GV kết luận: - Hằng ngày, em cần tự mình làm những  việc phù hợp để chăm sóc bản thân: vệ  sinh cá nhân, ăn uống, rèn luyện sức  khoẻ..  **3. Hoạt động luyện tập và thực hành**  **a) Hoạt động** : Thực hành chăm sóc bản thân  \* Mục tiêu:  - HS thực hành tại chỗ một số kĩ năng chăm sóc, vệ sinh cơ thể gọn gàng.  \* Cách tiến hành:  Bước 1. Hoạt động chung cả lớp:  - GV nêu yêu cầu:  + Quan sát lại trang phục của em.  + Chỉnh sửa lại đầu tóc, trang phục (quần  áo, giày dép) gọn gàng.  - GV theo dõi, giúp đỡ HS  Bước 2. Hoạt động cặp đôi:  - Y/C HS trong nhóm quan sát, sửa trang phục đầu tóc cho nhau.  Y/C HS trong nhóm quan sát, sửa  trang phục đầu tóc cho nhau.  Bước 3. Chia sẻ trước lớp:  - GV mời số bạn chia sẻ trước lớp về  hoạt động tự thực hành của bản thân.  - GV và HS cùng hỏi đáp về những lưu  ý khi chuẩn bị trang phục và vệ sinh cá  nhân.  - Lần lượt HS lên chia sẻ trước lớp về  hoạt động tự thực hành của bản thân.  \* Kết luận:  Các em cần lựa chọn, chuẩn bị trang  phục gọn gàng, sạch sẽ và phù hợp với  thời tiết. Tự chăm sóc bản thân giúp em  tự tin và chủ động hơn.  - Lắng nghe, ghi nhớ  **\*Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  - GV nhận xét, đánh giá tiết học, khen  ngợi, biểu dương HS.  - Về nhà chia sẻ với người thân về những  việc c thân. | Hát  Lắng nghe  Tự liên hệ bản thân và chia sẻ cho bạn.  Thảo luận nhóm đôi  - Chia theo bàn  - HS thảo luận cặp đôi, trả lời câu hỏi.  + HS đưa ra khung thời gian thực hiện  HS cử đại diện trình bày trước lớp  + HS nêu cảm xúc của mình.  - đến 3 cặp HS trình bày trước lớp.  - HS nhận xét nhóm bạn.  - Theo dõi, lắng nghe.  - HS thực hiện các Y/C của GV:  + Tự quan sát quần áo. + Tự chỉnh trang quần áo, giày dép cho ngay ngắn  - HS thực hành  - Từng cá nhân HS thực hành chỉnh sửa quần áo, giày dép, đầu tóc gọn gàng, sạch sẽ.  - HS thực hành  - HS trong nhóm quan sát, sửa và góp ý cho nhau.  - HS trong nhóm quan sát, sửa trang phục đầu tóc cho nhau. –  HS theo dõi  -Vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống hằng ngày: nhu rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh. |

2. HS SGK

sinh cá nhân, tự phục vụ bản thân, chăm sóc cơ thể.

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**ần làm để chăm sóc bản

**Thứ Tư ngày 23 tháng 10 năm 2024**

**TIẾNG VIỆT: BÀI 36 AM AP**

(2 TIẾT)

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

* Nhận biết các vần **am, ap;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **am, ap** với mô hình “âm đầu + âm chính + âm cuối”, “âm đầu + âm chính + âm cuối + thanh”.
* Nhìn chữ dưới hình, tìm và đọc đúng tiếng có vần **am,** vần **ap.**
* Đọc đúng, hiếu bài Tập đọc *Ve và gà* (1).
* Viết đúng trên bảng con các vần: **am, ap,** các tiếng (quả) **cam,** (xe) **đạp.**

1. **Ồ DÙNG DẠY HỌC**
2. GV: Giấy khổ to viết bài đọc, điện thoại thông minh.
3. HS: SGK
4. **CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC :**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Thời gian | Hoạt động của giáo viên | Hoạt động của học sinh |
| **Tiết 1** | | |
| **2’** | **1.Hoạt động mở đầu:**  **a)Khởi động:**  -Cho HS đọc 5 điều Bác Hồ dạy  2 HS đọc bài Tập đọc *Chia qụà* (bài 35); 1 HS nói những chữ hoa đứng đầu bài, đầu câu, những chữ hoa ghi tên riêng.  **b)Giới thiệu bài:**  Các em đã học hết các chữ ghi âm tiếng Việt. Từ bài hôm nay, các em sẽ học các vần tiếng Việt. Hai vần đầu tiên các em sẽ học là vần **am,** vần **ap.** | -HS đọc  - Hs đọc bài, trả lời câu hỏi  - Hs nhắc lại đề bài |
| **32’** | **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:** |  |
|  |  |  |
|  | **a)Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá**  **(BT** 1, 2) (dạy kĩ, chắc chắn) |  |
|  | \* Dạy vần **am**  -Chia sẻ: GV chỉ từng chữ **a, m** (đã học). 1 HS đọc: **a - mờ - am.** Cả lớp: **am.**  -Khám phá: GV giới thiệu hình ảnh quả cam, hỏi: Đây là quả gì?  Trong từ *quả cam,* tiếng nào có vần **am?** (Tiếng **cam).** | 1. HS đọc: **a - mờ - am.** Cả lớp: **am.**   **-** Tiếng **cam** |
|  | + GV giới thiệu mô hình vần **am.**  + GV giới thiệu mô hình tiếng **cam.**.  \*Dạy vần **ap** (tương tự cách dạy vần **am)**  -GV giới thiệu hình ảnh xe đạp, hỏi: Đây là cái gì? (Cái xe đạp).  -So sánh: vần **am** giống vần **ap:** đều bắt đầu bằng âm **a. vần am** khác vần **ap:** vần **am** có âm cuối là **m,** vần **ap** có âm cuối là **p.**  \* Củng cố: Các em vừa học 2 vần mới là vần gì? (Vần **am,** vần **ap).**  Các em vừa học 2 tiếng mới là tiếng gì? (Tiếng **cam,** tiếng **đạp).** GV chỉ mô hình từng vần, tiếng..  **b)Hoạt động 2. Luyện tập.**  **\*Mở rộng vốn từ :**  (BT 3: Tiếng nào có vần **am?** Tiếng nào có vần **ap?)**  -Xác định YC: GV đưa lên bảng 6 hình minh hoạ; nêu YC của BT.  -Đọc tên sự vật:  - GV chỉ từng từ theo số TT.  - Giải nghĩa từ: *Tháp Rùa* (tháp nằm giữa Hồ Gươm);  -*quả trám* (loại quả dùng làm thức ăn, rất bùi và ngon); *sáp nẻ* (sáp dùng để bôi lên da mặt, lên môi nhằm chống nứt nẻ).  -Tìm tiếng có vần **am,** vần **ap:** Từng cặp HS làm bài trong VBT, tìm nhanh tiếng có vần **am,** vần **ap.** GV nhắc: 2 HS cùng làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả.  -Báo cáo kết quả   * Một cặp HS nói kết quả: HS 1 chỉ bảng, nói tiếng có vần am. HS 2 nói tiếng có vần **ap.** * GV chỉ từng từ, cả lớp: Tiếng **khám** có vần **am.** Tiếng **tháp** (Rùa) có vần **ap...**   **\*Tập viết** (bảng con - BT 5).  -HS nhìn bảng lớp, đọc lại các vần, tiếng vừa học.  -GV vừa viết mẫu vừa hướng dẫn  -Vần **am:** viết **a** trước, **m** sau; chú ý nối nét giữa **a** và **m.**  -Vần **ap:** viết **a** trước, **p** sau; chú ý nối nét giữa **a** và **p.**  **-quả cam:** viết tiếng **quả** trước, tiếng **cam** sau. Trong tiếng **cam:** viết **c** trước, **am** sau. (Có thể chỉ yêu cầu HS viết tiếng **cam).**  **-xe đạp:** viết **xe** trước **(x** nối sang **e), đạp** sau (viết **đ** gần vần **ap,** dấu nặng đặt dưới  -HS viết trên bảng con: **am, ap** (2 lần). / Viết: (quả) **cam,** (xe) **đạp.**  -GV cùng HS nhận xét | **-**Phân tích: tiếng **cam** có âm **c** đứng trước, vần **am** đứng sau.  - Đánh vần và đọc trơn.  HS (cá nhân, tổ, cả lớp): **a - mờ - am / am.**  HS (cá nhân, tổ, cả lớp): cờ - am - cam / cam.   * HS nhận biết **a, p;** đọc: **a - pờ - ap.**   - Cái xe đạp.  - Tiếng **đạp**  -Phân tích: vần **ap** gồm có 2 âm: âm **a** đứng trước, âm **p** đứng sau.  -Đánh vần và đọc trơn: **a - pờ - ap / ap;** đờ - ap - đap - nặng - đạp / đạp.  -Hs so sánh: vần **am** giống vần **ap:** đều bắt đầu bằng âm **a. vần am** khác vần **ap:** vần **am** có âm cuối là **m,** vần **ap** có âm cuối là **p.**  - Vần **am,** vần **ap**  **-** Tiếng **cam,** tiếng **đạp.**  **-** Cả lớp đánh vần, đọc trơn  - Hs thực hiện.  - Cả lớp đọc tên từng sự vật, hành động: *khảm, Tháp Rùa, quả trám,...*  *-* Hs thực hiện,  -2 HS cùng làm việc sẽ cùng báo cáo kết quả.  *-* Hs thực hiện  - Hs đọc bài  - Hs theo dõi, quan sát. |
|  |
|  |
| **Tiết 2** | | |
|  | **\*Tập đọc**  -GV gắn lên bảng hình minh hoạ bài ***Bờ Hồ***  -Giới thiệubài:    -GV đọc mẫu.  -Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): Giáp, bé Lam, Tháp Rùa, giữa.  (Có thể đánh vần nhẩm trước khi đọc trơn).  -Luyện đọc câu  -GV: Bài có mấy câu? (GV chỉ từng câu, HS đếm: 4 câu).  -Đọc vỡ: GV chỉ từng câu cho.  -Đọc tiếp nối từng câu (cá nhân, từng cặp). GV phát hiện và sửa lỗi phát âm cho HS;nhắc HS thi đua để lượt sau đọc tốt hơn lượt trước. Từ nào HS không đọc được thì có thể đánh vần hoặc cả lớp đánh vần giúp bạn.  -Thi đọc tiếp nối 2 đoạn (2 câu / 3 câu) (theo cặp / tổ).  -Từng tốp (3 HS) cùng luyện đọc theo vai trước khi thi.  -Vài tốp thi đọc. GV khen HS, tốp HS đọc đúng vai, đúng lượt lời, biểu cảm.  -Tìm hiếu bài đọc *(Thay hình ảnh bằng từ ngừ thích hợp...)*  -GV nêu YC bài tập: Nói tiếp để hoàn thành câu   1. Cả nhà đi bộ ra…   b) Bố chỉ cho cả nhà…  -Yêu cầu HS nói hoàn chỉnh 2 câu văn   1. Cả nhà đi bộ ra ***Bờ Hồ*** 2. Bố chỉ cho cả nhà ***Tháp Rùa ở giữa hồ***   GV: Qua bài tập đọc các em biết được Bờ Hồ hay còn là hồ hoàn kiếm, nằm ở trung tâm thủ đô Hà Nội. Với cảnh vật rất đẹp và không khí trong lành.  **3. Vận dụng – thực hành**  GV cho hs tìm tiếng ngoài bài có vần **am, ap**  **\*Hoạt đông củng cố và nối tiếp**  -GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà đọc lại cho người thân nghe phần 1 của bài đọc Bờ Hồ | -Chú ý quan sát  - Hs lắng nghe.  - Hs lắng nghe.  - Hs luyện đọc  - Hs luyện đọc  - HS đếm: 5 câu  -1 HS đọc, cả lớp đọc.  -Hs thực hiện đọc nối tiếp.  -HS thi đọc, tham gia bình chọn bạn đọc đúng, đọc hay  -HS đọc theo vai  -Chú ý lắng nghe  -Nhận xét  HS thực hiện,xem trước bài 37 (ăm, ăp). |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: - Thay thế bài Bờ Hồ**

**TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI: BÀI 4. LỚP HỌC CỦA EM (TIẾP THEO)**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT ĐƯỢC:**

**\*Về tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:**

Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về lớp học , các thành viên và hoạt động trong lớp học ,

- Biết cách quan sát , trình bày ý kiến của mình về lớp học , hoạt động ở trong lớp học .

**\*Về vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:**

-Làm những việc phù hợp để giữ lớp học sạch, đẹp

- Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận các đồ dùng của lớp học .

-.**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC::**

1.Giáo viên:

-Điện thoại thông minh

- Các hình trong SGK .

- VBT Tự nhiên và Xã hội 1 .

-Tranh ảnh hoặc video về các hoạt động của lớp học .

- Một số tình huống để HS thể hiện được tình cảm và cách ứng xử với thành viên trong lớptốt nhất tình huống được thể hiện bằng kênh chữ và kênh hình ) .

2.Học sinh:

- VBT, SGK, điện thoại thông minh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:**

**TIẾT 1: Các khu vực và các phòng trong trường học**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **2’**  **24’**  **7’**  **2’** | **1. Hoạt động mở đầu:**  **a)Khởi động**  **-**Hát  **b) Giới thiệu bài:**  **2. Hoạt động hình thành kiến thức**  **a)Hoạt động 1 : Tìm hiểu học của bạn Hà**  - HS quan sát các hình ở trang 34 , 35 trong SGK để trả lời các câu hỏi :  + Trường học của bạn Hà có những khu vực nào , phòng học nào ?  + Chúng ở đâu ?  **-**GV yêu cầu HS trình bày kết quả  - GV cùng HS nhận xét , bổ sung câu trả lời  **3. Hoạt động luyện tập và vận dụng**  **a)Hoạt động 1: Giới thiệu về trường học của mình**  *-*GV giới thiệu cho HS:  +Các thành viên trong nhà trường và nhiệm vụ của họ .  + Các hoạt động chính của trường.  **\*Hoạt động củng cố nối tiếp:**  **-**HS ôn bài cũ đã học  -HS chuẩn bị bài mới: | **-HS trả lời**  -HS quan sát thực hiện  -HS trả lời  -Chú ý lắng nghe  -Chú ý lắng nghe |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

Thứ Năm 24 tháng 10 năm 2024

**MÔN MĨ THUẬT: NÉT THĂNG, NÉT CONG**

**GV chuyên dạy**

**TIẾNG VIỆT: BÀI 37 ĂM ĂP**

**(2 TIẾT)**

1. **YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

* Nhận biết các vần **ăm, ăp;** đánh vần, đọc đúng tiếng có các vần **ăm, ăp.**
* Nhìn chữ, tìm và đọc đúng tiếng có vần **ăm,** vần **ăp.**
* Đọc đúng, hiểu bài *Ve và gà* (2).
* Viết đúng các vần **ăm, ăp** và các tiếng **chăm** (chỉ), **cặp** (da) (trên bảng con).

1. **ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:**

1.GV**:SGK, máy tính.**

2.HS: SGK, **vở bài tập tiếng việt, bảng con, phấn, viết.**

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | | **Hoạt động của học sinh** |
| **Tiết 1** | | | |
| **2’**  **30’** | **1.Hoạt động mở đầu:**  **a)Khởi động:**  **-**HS hát bài lí cây xanh  -HS đọc bài *Ve và gà* (1) (bài 36), trả lời câu hỏi: Qua cuộc nói chuyện giữa ve và gà mẹ, emnghĩ gì về ve?  **b)Giới thiệu bài:** vần **ăm,** vần **ăp**  **2.Hoạt động hình thành kiến thức mới:** | -HS hát  -HS thực hiện | |
|  | GV cho HS xem video Tiếng Việt lớp 1 mới/ Bài 37:**ăm/ ăp/** Bộ sách cánh diều lớp 1/Cô Thu. | | |
|  | **a)Hoạt động 1: Chia sẻ và khám phá**  (BT 1: Làm quen) | -HS lắng nghe | |
|  |  |  | |
|  | -GV giới thiệu mô hình tiếng **chăm.** HS đánh vần: **chờ - ăm - chăm.**  -GV chỉ lại mô hình vần **ăm,** mô hình tiếng **chăm,** từ **khoá,** Dạy vần **ăp** (như vần **ăm)**    -HS nhận biết **ă, p;** đọc: **ă - pờ - ăp.** | **-** HS đọc trơn **ă - mờ - ăm / chờ - ăm -** chăm / chăm chỉ.  - đọc: **ă - pờ - ăp.**  -Phân tích vần **ăp. /** Đánh vần: **ă - pờ - ăp / ăp.**  -Phân tích tiếng **cặp: c - ăp -** dấu nặng đặt dưới âm **ă.**  -Đánh vần: cờ - ăp - căp - nặng - cặp.  -Đánh vần, đọc trơn lại: ă - pờ - ăp / cờ - ăp - căp - nặng - cặp / cặp da. | |
|  | -Quan sát tranh, nêu từ ngữ: *cặp da / cặp.*  -HS đọc  \* Củng cố: Vừa rồi đã học 2 vần mới , 2 tieng mới nào? .  -GV chỉ mô hình từng vần, tiếng, cả lớp đánh vần, đọc trơn. | -: **ăm, ăp;** 2 tiếng mới: **chăm, cặp.**  - Hs đọc | |
|  | **b)Hoạt động 2. Luyện tập** |  | |
|  | **\*Mở rộng vốn từ** (BT 2: Tìm tiếng có vần **ăm,** tiếng có vần **ăp)**  -Xác định YC: GV chỉ từng chữ dưới hình,*.* Giải nghĩa: *tằm* (loài sâu ăn lá dâu, lá sắn, nuôi để lấy tơ dệt vải).  -Từng cặp HS tìm tiếng có vần **ăm,** vần **ăp** trong VBT. / 2 HS báo cáo kết quả.  -GV chỉ từng từ in đậm, cả lớp: Tiếng **thắp** có vần **ăp...** Tiếng **tằm** có vần **ăm...**  -HS nói thêm 3-4 tiếng ngoài bài có vần **ăm** (băm, mắm, nắm, sắm,...); có vần **ăp** (cắp, đắp, lắp, nắp, sắp,...).  **\*Tập viết** (bảng con - BT 4)  -Cả lớp đọc các vần, tiếng vừa học.  - Quay video viết chữ mẫu gửi lên zalo nhóm cho HS xem và thực hiện, chú ý nhắc nhở HS cỡ chữ đúng.  +Vần **ăm: ă** và **m** đều cao 2 li.  +Vần **ăp: ă** cao 2 li, **p** cao 4 li.  **+chăm:** viết **ch** rồi đến vần **ăm.**  **+cặp:** viết **c** rồi đến vần **ăp,** dấu nặng đặt dưới **ă.**  \*HS viết: **ăm, ăp** (2 lần). Sau đó viết: **chăm** (chỉ), **cặp** (da) | 1 HS đọc, cả lớp đọc: *thắp, bắp ngô, tằm,..*  - Hs báo cáo  - Hs đọc  - Hs nói  -HS đọc  - Hs chú ý,quan sát và thực hiện | |
| **Tiết 2** | | | |
|  | **\*Tập đọc** (BT 3)  -GV chỉ hình minh hoạ bài *Ve và gà* (2): Gà cho ve đồ ăn. Các em hãy lắng nghe để biết câu chuyện kết thúc thế nào.  -GV đọc mẫu.  -Luyện đọc từ ngữ (cá nhân, cả lớp): **mùa thu, cỏ lá, chả có gì, gặp, ngỏ ý, thủ thỉ, chăm múa, chăm làm, chả lo gì.**  -Luyện đọc câu  GV: Bài đọc có 7 câu. (GV đánh số TT từng câu).   * GV chỉ từng câu cho.. * Đọc tiếp nối từng câu, GV nhắc HS nghỉ hơi ở câu cuối *(Ve chăm múa và chăm làm nữa/thì sẽ chả lo gì).*   - Tìm hiểu bài đọc  -GV nêu YC của BT, chỉ từng vế câu  1 HS nói kết quả: Ý đúng: a) Vừa chăm múa vừa chăm làm - 1) thì chả lo gì.  Ý sai: a) Vừa chăm múa vừa chăm làm - 2) thì chả có gì. Cả lớp nhắc lại ý đúng.  -GV: Qua câu chuyện, em hiểu điều gì? (Ve lười biếng, chỉ thích chơi nên có lúc chả có gì ăn. / Gà chăm chỉ làm nên nuôi được đàn con, còn giúp được ve).  -GV: Câu chuyện là lời khuyên: Phải chăm chỉ lao động. Vừa biết vui chơi vừa chăm chỉ lao động thì cuộc sống sẽ tốt đẹp, không phải lo lắng gì.  \* Cả lớp đọc lại 2 trang bài 37; đọc 6 chữ, vần vừa học trong tuần, chân trang 68.  **3.Hoạt đông luyện tập – thực hành**  -GV cho hs tìm tiếng ngoài bài có vần ăm, ăp  **\*Củng cố và nối tiếp**:  -GV nhận xét tiết học; dặn HS về nhà kể cho người thân nghe điều em đã hiểu sau khi học bài Ve và gà, xem trước bài 39 (Ôn tập). | - Hs quan sát  -HS lắng nghe  - Hs luyện đọc  -Chú ý thực hiện  -1 HS đọc nối tiếp câu  - HS đọc cả bài, cả lớp đọc cả bài.  - Hs đọc  -HS lắng nghe  Ve lười biếng, chỉ thích chơi nên có lúc chả có gì ăn. / Gà chăm chỉ làm nên nuôi được đàn con, còn giúp được ve.  -Chú ý lắng nghe để thực hiện | |
| 2’ |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY: -Thay thế bài Chăm bà**

**TIẾNG VIỆT: TẬP VIẾTAM, AP, ĂM, ĂP,**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT ĐƯỢC:**

**-**Viết đúng **am, ap, ăm, ăp, quả cam, xe đạp, chăm chỉ, cặp da -** chữ thường, cỡ vừa, đúng kiểu, đều nét.

**II.ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:**

1.GV**:** Bảng phụ viết các vần, tiếng cần luyện viết, điện thoại thông minh

2. HS: Vở luyện viết, điện thoại thông minh

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **2’**  **30’** | **1.Hoạt động bắt đầu:**  **a)Khởi động:**  **Cả lớp hát**  **b)Giới thiệu bài:**  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **a)Hoạt động 1/Luyện tập**  -HS đánh vần, đọc trơn: *am, quả cam, ap, xe đạp; ăm, chăm chỉ, ăp, cặp da.*  -Tập viết: *am, quả cam, ap, xe đạp.*  -GV vừa viết mẫu từng vần, từ ngữ, vừa hướng dẫn quy trình viết. Chú ý độ caocác con chữ, cách nối nét, vị trí đặt dấu thanh trong các tiếng *quả, đạp.*  -HS viết các vần, từ ngữ trong vở *Luyện viết 1,* tập một.  -Tập viết: *ăm, chăm chỉ, ăp, cặp da* (như mục b  -HS viết các vần, từ ngữ; hoàn thành phần *Luyện tập thêm.*  **3.Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  **-**GV nhận xét tiết học  -Nhắc những HS chưa hoàn thành bài viết về nhà tiếp tục luyện viết. | -Hát  - Hs đọc bài  -1 HS đọc các vần, từ ngữ; nói cách viết, độ cao các con chữ.  - Hs chú ý quan sát.  - Hs viết bài  -HS lắng nghe |
|  |
| **2’** |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:** **- GV hướng dẫn kĩ quy trình viết.**

**Thứ Sáu ngày 25 tháng 10 năm 2024**

**TIẾNG VIỆT: BÀI 38 KỂ CHUYỆN**

**CHÚ THỎ THÔNG MINH (**TIẾT)

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT ĐƯỢC:**

- Nghe hiểu và nhớ câu chuyện.

- Nhìn tranh, nghe GV hỏi, trả lời được từng câu hỏi theo tranh.

- Nhìn tranh, có thể kể từng đoạn câu chuyện.

- Hiểu ý nghĩa câu chuyện: Thỏ con thông minh đã lừa được cá sấu, tự cứu mình thoát khỏi miệng cá sấu. Chú thỏ thông minh

**II.ĐÔ DÙNG DẠY HỌC:**

**1.GV:** 6 tranh minh hoạ truyện phóng to, điện thoại thông minh.

2.HS: SGK, điiện thoại thông minh.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN** | **HOẠT ĐỘNG CỦA HỌC SINH** |
| **2’**  **20’** | **1.Hoạt động mở đầu:**  **a)Khởi động:**  -GV chỉ tranh 1, 2, 3 minh hoạ truyện *Dê con nghe lời mẹ* (bài 32), nêu câu hỏi, mời HS 1 trả lời. HS 2 trả lời câu hỏi theo tranh 4, 5 và nói lời khuyên của câu chuyện.  **b)Giới thiệu bài:**  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **a)Hoạt động 1:Chia sẻ và Giới thiệu câu chuyện** (gợi ý)  **-Quan sát và phỏng đoán:**  **-**GV gắn lên bảng 6 tranh minh hoạ, giới thiệu: Đây là các tranh minh hoạ truyện *Chú thỏ thông minh.* Các em hãy xem tranh để biết câu chuyện có những nhân vật nào. Các từ *Hu! Hu!, Ha! Ha!* (là tiếng kêu của cá sấu) có nghĩa gì?  GV: Câu chuyện có 2 nhân vật là thỏ và cá sấu. Cá sấu đớp thỏ. Khi cá sấu kêu *Hu! Hu!* thì miệng nó khép lại gần kín. Còn khi nó kêu *Ha! Ha!* thì miệng nó mở to ra, thỏ nhảy khỏi miệng cá sấu.  **-Giới thiệu câu chuyện:** Câu chuyện kể về một chú thỏ con bị cá sấu đớp. Thế mà thỏ vẫn thoát khỏi miệng cá sấu. Làm thế nào cho cá sấu mở miệng? Thỏ đã nghĩ ra cách gì để lừa cá sấu mở miệng? | - Hs trả lời câu hỏi  - Hs chú ý theo dõi và lắng nghe  -HS lắng nghe |
|  |
|  | **b)Hoạt động 2:Khám phá và luyện tập**  **\* Nghe kể chuyện: GV** kể chuyện **3 lần** với giọng diễn cảm | -HS lắng nghe |
|  | **Chú thỏ thông minh**   1. Có một chú thỏ con đi đến bờ sông ăn cỏ. Lát sau, thỏ khát nước. Nó lần xuống sông uống nước thì thấy một con cá sấu to xù đang nằm ở đó. 2. Cá sấu nhìn thấy thỏ thì nằm im, giả vờ ngủ. Thỏ tưởng cá sấu đang ngủ nên rón rén đi xuống mép nước. Bất ngờ, cá sấu vọt tới, đớp thỏ. 3. Trước khi nuốt mồi, cá sấu tru mõm kêu lên “Hu! Hu!” để doạ thỏ cho vui. 4. Thỏ nằm trong mồm cá sấu sợ chết khiếp nhưng vẫn cố bình tĩnh nghĩ mẹo thoátthân. Nó bảo cá sấu: “Anh kêu *Hu! Hu!* thì chẳng có gì đáng sợ. Anh phải kêu *Ha! Ha!* thì may ra mới doạ được tôi”. 5. Nghe thỏ nói thế, con cá sấu ngu ngốc lập tức há to miệng, kêu lớn: —Ha! Ha!”. 6. Thỏ chỉ chờ vậy, lập tức nhảy phốc khỏi mồm cá sấu, chạy biến vào rừng.   Theo VŨ TÚ NAM *(Chuyện kể cho bẻ)* | |
|  | **\*Trả lời câu hỏi theo tranh**  -Mỗi HS trả lời câu hỏi theo 1 tranh  +GV chỉ tranh 1, hỏi:  *+Thỏ con đến bờ sông làm gì?*  *+Nó thấy cả sấu khi nào?*  +GV chỉ tranh‘2:  *+Vì sao thỏ nhìn thấy cá sấu mà vân đi xuống mép nước?*  *+Cá sấu bất ngờ làm gì?*  +GV chỉ tranh 3:  *+Trước khi nuốt mồi, cả sấu làm gì để doạ thỏ?*  +GV chỉ tranh 4:  *+Thỏ đã nghĩ ra mẹo gì để thoát thân?*  - GV chỉ tranh 5:  *- Nghe lời thỏ, cá sấu đã làm gì?*  - GV chỉ tranh 6:  *- Khi cá sấu kêu, thỏ con làm gì?*  -Mỗi HS trả lời các câu hỏi theo 2 tranh.  -1 HS trả lời cả 6 câu hỏi theo 6 tranh.  **\*Kể chuyện theo tranh** (GV không nêu câu hỏi)  -Mỗi HS nhìn 2 tranh, tự kể chuyện.  -HS kể chuyện theo tranh bất kì  **\*Tìm hiểu ý nghĩa câu chuyện**  -GV: Vì sao thỏ thoát nạn?  -GV: Câu chuyện giúp các em hiểu điều gì?  - GV kết luận: Câu chuyện cho các em thấy thỏ con nhỏ bé mà thông minh, lừa được con cá sấu to xác mà ngu ngốc nên đã thoát khỏi miệng cá sấu. Câu chuyện khuyên các em: Khi gặp nguy hiểm hãy bình tĩnh, thông minh nghĩ cách cứu mình.  - Cả lớp bình chọn HS kể chuyện hay, hiểu ý nghĩa câu chuyện | - Thỏ con đến bờ sông ăn cỏ.  - Nó nhìn thấy cá sấu khi xuống sông uống nước.  - Thỏ tưởng cá sấu đang ngủ nên rón rén đi xuống mép nước.  - Cá sấu bất ngờ vọt tới, đớp thỏ.  - Trước khi nuốt mồi, cá sấu tru mõm kêu *Hu! Hu!* để doạ thỏ cho vui.  - Thỏ bảo cá sấu: —Anh kêu *Hu! Hu!* thì chẳng có gì đáng sợ, anh phải kêu *Ha! Ha!* thì may ra mới doạ được tôi”.  - Con cá sấu ngu ngốc lập tức há to miệng, kêu lớn: *Ha! Ha!.*  - Chỉ đợi cá sấu kêu *Ha! Ha!,* thỏ lập tức nhảy phốc khỏi mồm cá sấu, chạy biến vào rừng.  - Hs trả lời  - Hs tự kể chuyện theo tranh.  -1 HS kể toàn bộ câu chuyện theo 6 tranh.  - Hs kể chuyện  - Vì thỏ thông minh, nghĩ ra cách lừa được cá sấu há rộng miệng. / Vì cá sấu ngu ngốc đã mắc mưu thỏ. /...  -Khi gặp nguy hiểm hãy bình tĩnh, thông minh nghĩ cách cứu mình  - Cả lớp thực hiện |
| **2’** | **\*Hoạt động củng cố và nối tiếp:**  -GV khen ngợi những HS kể chuyện hay, hiểu câu chuyện. Dặn HS về nhà kể cho người thân nghe chuyện về chú thỏ thông minh. | -Nhắc HS xem tranh, chuẩn bị cho tiết kể chuyện Ba chú lợn con tuần tới. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**: - GV tích hợp rèn luyện cho HS thông qua các hoạt động học tập để dành thời gian cho việc luyện tập kĩ năng đọc

**TIẾNG VIỆT: BÀI 39 ÔN TẬP**

1. tiêt)

I.**YÊU CẦU CẦN ĐẠT ĐƯỢC:**

* Đọc đúng bài Tập đọc *Cô bé chăm chi.*
* Tìm đúng các tiếng trong bài có vần **am, ap, ăm, ăp.**
* Tập chép đúng chính tả 1 câu văn (chữ cỡ vừa).

**II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

**1.GV:** SGV, SGK, điện thoại thông minh

**2.HS:***Vở bài tập Tiếng Việt 1,* tập một, điện thoại thông minh

**III.CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC CHỦ YẾU:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Thời gian** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **3’**  **20’** | **1.Hoạt đông hình thành kiến thức mới:**  **a)Khởi đầu:**  **b)Giới thiệu bài:** GV nêu MĐYC của bài học.  **2. Hoạt động hình thànhkiến thức mới** |  |
|  | **a)Hoạt động 1: Luyện tập**  BT 1 (Tập đọc)  -GV chỉ hình minh hoạ, giới thiệu bài *Cô bé chăm chỉ.*  -GV đọc mẫu.  -Luyện đọc từ ngữ: **chăm chỉ, khắp nhà, ê a, đi xe đạp, khám, thú vị lắm.**  -Luyện đọc câu  -GV: Bài có 6 câu. / GV chỉ từng câu, HS đọc vỡ.  -Đọc tiếp nối từng câu.  -Thi đọc nối tiếp 2 đoạn (mỗi đoạn 3 câu); thi đọc cả bài (quy trình như các bài trước).  -Tìm hiểu bài đọc:  -GV: Bé Chi chăm chỉ thế nào?  \* BT 2 (Tìm trong bài đọc 1 tiếng có vần *am,* vần *ap,* vần *ăm,* vần *ăp)*   * GV nêu YC. / HS gạch chân tiếng có vần cần tìm trong VBT. * HS tiếp nối nhau báo cáo kết quả: Tiếng có vần **am: khám.** Tiếng có vần **ap: đạp.** Tiếng có vần **ăm: chăm, lắm.** Tiếng có vần **ăp: khắp.**   \* BT 3 (Tập chép)  - GV gửi nội dung cần tập viết trên zalo nhóm  - Cả lớp đọc thầm câu văn; chú ý những từ các em dễ viết sai.  - HS nhìn mẫu, viết vào vở / VBT câu văn với chữ cỡ vừa.  - HS viết xong, soát lại bài; đổi bài để sửa lồi cho nhau.  - GV chữa bài cho HS, nhận xét chung.   1. **Hoạt động luyện tập – thực hành**   GV yêu cầu hs tìm tiếng, từ có vần đã học  **\*Củng cố và nối tiếp**  -GV nhắc HS về nhà xem trước bài 40 (âm, âp)  -Chuẩn bị bài mới | - Hs nhắc đề  - Hs lắng nghe  - Hs luyện đọc.  -Cá nhân / từng cặp.  -HS đọc nối tiếp câu  -HS thi đọc  - Bé đi khắp nhà, khi thì mở vở của chị đọc ê a; khi thì đi xe đạp; khi thì khám bệnh cho chó Lu.  - Hs thực hiện  - Hs báo cáo kết quả  - Hs thực hiện với sự hướng dẫn của phụ huynh.  - Hs viết vào vở  -HS soát bài |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**

-GV tích hợp rèn luyện cho HS thông qua các hoạt động học tập để dành thời gian cho việc luyện tập kĩ năng đọc, viết.

**MÔN THỂ DỤC: BÀI: ÔN ĐỘI HÌNH ĐỘI NGŨ**

**I.YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1.Về phẩm chất:** Bài học góp phần bồi dưỡng cho học sinh các phẩm chất cụ thể:

* Tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể.
* Tích cực tham gia các trò chơi vận động và có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi.

1. **Về năng lực**:

**2.1. Năng lực chung:**

* Tự chủ và tự học: Tự xem trước các động tác đứng nghiêm, đứng nghỉ , cách tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số trong sách giáo khoa. - Giao tiếp và hợp tác: Biết phân công, hợp tác trong nhóm để thực hiện các động tác và trò chơi.

**2.2. Năng lực đặc thù:**

* NL chăm sóc SK: Biết thực hiện vệ sinh sân tập, thực hiện vệ sinh cá nhân để đảm bảo an toàn trong tập luyện.
* NL vận động cơ bản: Biết khẩu lệnh và thực hiện được tư thế đứng nghiêm, đứng nghỉ, tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số

Biết quan sát tranh, tự khám phá bài và quan sát động tác làm mẫu của giáo viên để tập luyện. Thực hiện được các động tác đứng nghiêm, đứng

nghỉ , cách tập hợp hàng dọc, dóng hàng, điểm số

II.ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

+ Giáo viên chuẩn bị: Tranh ảnh, trang phụ thể thao, còi phục vụ trò chơi.

+ Học sinh chuẩn bị: Giày thể thao.

**III.HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TG** | **HOẠT ĐỘNG GV** | **HOẠT ĐỘNG HS** |
|  | 1. **Hoạt động mở đầu:**   **a.Khởi động:** nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học  -Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,...  -Gv HD học sinh khởi động  Trò chơi “ lộn cầu vồng”  **b.Gioi thiệu bài:**  **2.HĐ hình thành kiến thức mới:**  **a. HĐ 1: Hoạt động 1**  **-**Đứng nghiêm, đứng nghỉ    \***Luyện tập**  Trò chơi “Số chẵn số lẻ”, “ đứng ngồi theo lệnh”.  GV hướng dẫn chơi  Cho HS quan sát tranh GV làm mẫu động tác kết hợp phân tích kĩ thuật động tác.  Hô khẩu lệnh và thực hiện động tác mẫu   * GV hô - HS tập theo Gv. * Gv quan sát, sửa sai cho HS. * Y,c Tổ trưởng cho các bạn luyện tập theo khu vực. * GV cho 2 HS quay   **Hoạt động 2**  **\*Kiến thức**  \*Tập hợp hàng dọc     * **Luyện tập**   **Hoạt động 3**   * **Kiến thức**   \*Dóng hàng dọc    \*Điểm số hàng dọc     * **Luyện Tập**   **3..Củng cố kết nối:**   * Thả lỏng cơ toàn thân. * Nhận xét, đánh giá chung của buổi học.   Hướng dẫn HS Tự ôn ở nhà | Đội hình nhận lớpCán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV.  HS quan sát GV làm mẫu   * Đội hình tập luyện đồng loạt.   ***ĐH tập luyện theo tổ***  Từng tổ lên thi  đua - trình diễn -Chơi theo đội hình hàng ngang  -Thực hiện  -2HS thực hiện  -Thực hiện  -Thực hiện  -Thực hiện  -Chú ý xác định nội dung học tập. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**

**HĐTN – Tiết 18**

**SINH HOẠT LỚP**

**CHIA SẺ VIỆC THỰC HIỆN NỀN NẾP SINH HOẠT**

**I/ YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

au hoạt động, HS có khả năng:  
– Biết được nội dung phong trào rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt.  
- Vui vẻ tham gia phong trào rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt

\*GD Lí tưởng cách mạng, đạo đức lối sống

– Trẻ em có quyền được chăm sóc sức khỏe tốt nhất có thể, được tiếp cận môi trường sạch sẽ và an toàn giúp em sống khỏe mạnh.

– Quyền và bổn phận trẻ em (quyền gắn liền với trách nhiệm, nghĩa vụ).

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:**

Kết quả học tập, rèn luyện của cả lớp trong tuần.

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TL** | **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **5’** | **1/ Hoạt động mở đầu**  **a/ Ổn định: Hát**  **b/ Giới thiệu bài:** Giới thiệu nội dung học  **2. Hoạt động hình thành kiến thức mới:**  **Hoạt động 1: Nhận xét trong tuần 6**  + GV nhận xét qua 1 tuần học:  *\* Tuyên dương:*  - GV tuyên dương cá nhân và tập thể có thành tích.  *\* Nhắc nhở:*  - GV nhắc nhở những tồn tại hạn chế của lớp trong tuần.  ***Hoạt động 2: .Phương hướng tuần 7***  - Thực hiện dạy tuần7, GV bám sát kế hoạch chủ nhiệm thực hiện.  ***Hoạt động 3. Thực hiện nền nếp sinh hoạt.***  Nhà trường/GV Tổng phụ trách Đội/Liên đội trưởng phát động phong trào “Rèn nền nếp” trong học tập và sinh hoạt đối với HS trong toàn trường. Nội dung cơ bản tập trung vào: - Xây dựng nền nếp trong các hoạt động học trên lớp. - Xây dựng nền nếp trong các hoạt động học ở nhà. - Xây dựng nền nếp trong các hoạt động giáo dục khác. - Hướng dẫn các lớp 1 triển khai rèn nền nếp trong học tập và sinh hoạt đối với HS lớp 1.) *b. GV thực hiện*  - Đánh giá chung kết quả thực hiện “ NỀN NẾP SINH HOẠT” của học sinh trong lớp; biểu dương khen thưởng các em thực hiện tốt.  - Nhắc nhở HS thường xuyên thực hiện Nền nếp sinh hoạt trong học tập và đời sống hằng ngày.  **\* Hoạt động củng cố , nối tiếp**  Dặn dò HS thực hiện tốt nền nếp sinh hoạt  - Nhận xét tiết học | - HS nghe,  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS nghe.  - HS thực hiện.  - HS theo dõi.  - HS thực hiện  - HS nghe. |

**IV.ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY**